

Bản án số: 125/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27- 9- 2023

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Trần Mộng Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên

Bà Trần Thị Mộng Lành.

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Minh Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Kiểm sát viên không tham gia phiên

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị X, sinh ngày 01/01/1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lê Thum E, sinh ngày 01/01/1987 (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Ph, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa án của nguyên đơn chị Nguyễn Thị X:

Chị Nguyễn Thị X và anh Lê Thum E cưới nhau năm 2015, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, đến ngày 10/02/2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, anh E không quan tâm chăm sóc vợ và lo kinh tế gia đình, làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã không chung sống với nhau từ tháng 6/2022 cho đến nay. Chị X nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh E.

Về con chung: Chị X xác định trong quá trình chung sống chị và anh Thum E không có con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị X xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/7/2023, bị đơn anh Lê Thum E trình bày: Anh thừa nhận theo lời trình bày của chị X về hôn nhân, con chung và tài sản chung là hoàn toàn đúng. Tuy nhiên, theo anh về nợ chung thì vợ chồng có nợ bà Nguyễn Thị B 16 chỉ vàng 24k vào năm 2022, không có biên nhận, mục đích mượn nợ là để làm ăn bao gồm chi phí để nuôi tôm và đi làm ở Bình Dương. Theo yêu cầu của chị X thì anh có ý kiến: Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị X; Về con chung và tài sản chung: Không có không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Yêu cầu chia đôi số nợ 16 chỉ vàng 24k, mỗi người trả 08 chỉ vàng 24k cho bà Nguyễn Thị B

Tòa án đã thông báo tư cách tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị B. Tại bản tự khai ngày 10/8/2023 bà Nguyễn Thị B đã trình bày: Trước đây bà có sang nhượng 02 công đất tã 3m của người khác chưa làm thủ tục sang tên, sau khi Lê Thum E kết hôn với Nguyễn Thị X thì bà đã phân chia cho vợ chồng E canh tác. Sau đó, khi vợ chồng E cần vốn để làm ăn nên yêu cầu bà chuyển nhượng 02 công đất trên cho người khác với giá 16 chỉ vàng 24k, bà giao số vàng này cho vợ chồng E. Bà xác định số vàng trên là bà đã phân chia cho vợ chồng E nên bà không có yêu cầu quyền lợi gì cho bà.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Trần Thum E và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B: Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Thum E. Bị đơn anh Lê Thum E cư trú tại ấp Ph,

xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ kiện về việc “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đối với yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị X. Tại phiên hòa giải anh E không đồng ý ly hôn và khai rằng vợ chồng có nợ bà Nguyễn Thị B 16 chỉ vàng 24k. Tòa án đã thông báo tư cách tham gia tố tụng đối với bà Nguyễn Thị B, bà B đã có bản tự khai không có yêu cầu liên quan đến vụ án. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Lê Thum E và bà Nguyễn Thị B vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Lê Thum E và bà Nguyễn Thị B nhưng anh Lê Thum E và bà Nguyễn Thị B vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại nguyên đơn chị Nguyễn Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Lê Thum E tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 19/2015 ngày 10/02/2015 theo quy tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên xác định hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Chị Nguyễn Thị X yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Thum E, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Thum E có ý kiến không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị X. Qua lời trình bày của chị X và anh E cho thấy anh chị cưới nhau năm 2015, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 10/02/2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bắt đầu từ quan điểm sống. Vợ chồng đã không chung sống với nhau từ tháng 6/2022 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên hòa giải để hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh E vắng mặt không có lý do, không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được cho nên căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X, cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Lê Thum E.

Về con chung và tài sản chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Lê Thum E cùng thống nhất xác định không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Anh Lê Thum E khai vợ chồng có nợ bà Nguyễn Thị B 16 chỉ vàng 24k và yêu cầu mỗi người trả 08 chỉ vàng 24k cho bà B. Chị Nguyễn Thị X không thừa nhận có nợ, đồng thời bà Nguyễn Thị B cũng xác định vợ chồng chị Nguyễn Thị X và anh Lê Thum E không có nợ vàng của bà, bà cũng không có yêu cầu gì đối với vợ chồng chị X và anh E nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc nguyên đơn chị X nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 9; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Lê Thum E.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Lê Thum E thống nhất xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị X xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.
4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008730 ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị X đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu (Dương).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Trần Mộng Thúy